TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **205**/2024/DS-ST Ngày: 27 - 9 - 2024 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tuấn

2. Ông Phạm Tuấn Tú

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa*: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: Số B - B, đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ chi nhánh B: Số D, đường Đ, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1982; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số D, đường Đ, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 13/2023/UQ-CNBD ngày 20/02/2024), sđt 0933770797, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, Tổ I, Khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ làm việc: Công ty TMCP B1; địa chỉ: Số A Đường D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 24/09/2022 ông Nguyễn Hồng T1 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B theo hình thức Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng để vay số tiền là 30.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, đến ngày 15/06/2023 ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP S nhiều lần trao đổi, làm việc và tạo mọi điều kiện để ông T2 nợ nhưng ông T không trả.

Tạm tính đến ngày 20/02/2024 ông T3 nợ Ngân hàng TMCP S số vốn gốc, lãi quá hạn và lãi phạt cụ thể như sau:

- Vốn gốc: 30,000,000đồng

- Lãi trong hạn: 3.638.361 đồng

- Lãi quá hạn: 1.819.180 đồng

Tổng cộng: 35.457.541 đồng

Việc cố tình dây dưa, không thực hiện đúng như cam kết của ông T4 ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dươngbuộc ông T5 nhiệm thanh toán số nợ trên cho ngân hàng.

Ngân hàng TMCP S giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản chứng thực); CCCD của ông Nguyễn Hồng T (bản photo); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/9/2022 (bản photo đóng dấu Ngân hàng); Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 (bản photo đóng dấu Ngân hàng); Giấy ủy quyền số 13/2023/UQ-CNBD ngày 20/02/2024 (bản chính); Căn cước công dân ông Lê Quốc H (bản photo).*

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng T không đến Tòa án làm việc, hòa giải; không giao nộp văn bản nêu ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn ông Lê Quốc H giao nộp cho Tòa án Bản tự khai đề ngày 27/9/2024 và Bảng tóm tắt sao kê ngày 27/9/2024 đối với khách hàng Nguyễn Hồng T tính đến ngày 27/9/2024 đối với khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/09/2022như sau:

+ Nợ gốc: 30.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 10.958.041 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 5.479.020 đồng.

Tổng cộng : 46.437.061 đồng

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông T.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi Hội đồng xét xử nghị án, nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Về thời hiệu khởi kiện, do bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện, vì vậy Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của đại diện nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, phù hợp Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho ông T đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng TMCP S. Tuy nhiên, ông T không đến. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi kết thúc phiên họp, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho ông T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định nhưng ông T không có ý kiến phản bác lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 1, 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa xác định tất cả các giấy tờ, tài liệu và lời trình bày của đại diện nguyên đơn là chứng cứ của vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[4.1] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/09/2022thấy rằng:

Về hình thức và nội dung của thẻ tín dụng kiêm hợp đồng không trái pháp luật, phù hợp Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 23; khoản 1, 4 Điều 27 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên phát sinh hiệu lực.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng trên là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T không thanh toán tiền nợ gốc và lãi đúng thời

hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là hoàn toàn chính đáng, phù hợp Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên Tòa chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất và tiền lãi:

Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 13, 14 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N thì tổ chức tín dụng được quyền thỏa thuận mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các loại phí liên quan đến hợp đồng tín dụng với bên vay.

Đối chiếu các quy định pháp luật nêu trên, xét thấy thỏa thuận về mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các loại phí trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP S và ông T không trái quy định pháp luật nên Tòa chấp nhận số tiền lãi ngân hàng yêu cầu ông T theo Bảng tóm tắt sao kê ngày 27/9/2024 của Ngân hàng TMCP S.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hồng T phải chịu án phí trên số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 và các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị định 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm và Nghị định 21/2021/NĐ-CP, ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Về tiền nợ: Buộc ông Nguyễn Hồng T trả cho Ngân hàng TMCP S Tổng số tiền: 46.437.061đ (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, không trăm sáu mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn:

10.958.041đ (mười triệu, chín trăm năm mươi tám ngàn, không trăm bốn mươi mốt đồng), nợ lãi quá hạn tính đến ngày 27/9/2024: 5.479.020đ (năm triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn, không trăm hai chục đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/09/2022

Tiền lãi từ ngày 28/9/2024 trở đi được tiếp tục tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên cho đến khi ông T trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T chịu số tiền 2.322.000đ (hai triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền 886.000đ (tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004332, ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình